

Bản án số: 155/2020/DS-ST
Ngày: 15/9/2020
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Quách Trung Sơn**

2. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 234/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166A/2020/QĐXXST-DS ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Tấn T**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 49 Q, phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Dương Mỹ L**, sinh năm: 1988 (Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020)

Địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn K**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp Th, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020 của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/01/2019, anh T có cho anh K mượn số tiền 380.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn trả tiền là ngày 15/02/2020. Anh K có viết biên nhận cho anh T, do anh K viết và ký tên. Nhưng đến hạn anh K cố tình kéo dài không trả nợ. Anh có nhiều lần đến đòi nhưng anh K cố tình né tránh. Nay anh yêu cầu anh K phải trả cho anh số tiền vốn là 380.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày

15/02/2020 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày khởi kiện là 04 tháng x 0,83%/tháng = 12.616.000 đồng. Tổng cộng là 392.616.000 đồng.

- Theo Tờ tự khai đề ngày 09/7/2020 bị đơn anh Trần Văn K trình bày: Trước đây anh có mượn của anh T số tiền hai tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất là 20.000.000 đồng/ngày. Sau khi đáo hạn ngân hàng, anh cũng đã trả đủ số tiền hai tỷ đồng cho anh T và còn nợ lại tiền lãi số tiền 380.000.000 đồng. Anh có viết biên nhận nợ số tiền 380.000.000 đồng cho anh T. Nay anh cũng đồng ý trả số tiền 380.000.000 đồng cho anh T nhưng xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T kiện anh K tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt: Anh K là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc anh T khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Chị L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và theo đơn yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- Về quan hệ tranh chấp: Anh T kiện yêu cầu anh K trả số tiền đã mượn. Phía anh T khai cho mượn tiền vì không tính tiền lãi suất. Còn anh K thì khai thừa nhận còn nợ số tiền như anh T khai, nhưng cho rằng đó là tiền lãi còn nợ của khoản vay mà anh đã trả xong vốn.

Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là “Biên nhận mượn tiền” đề ngày 16/01/2019 và anh K cũng thừa nhận đúng là do anh viết và ký tên. Theo nội dung biên nhận ghi “*Hôm nay ngày... có mượn số tiền anh Nguyễn Tấn T 380.000.000...*”. Như vậy, theo nội dung biên nhận anh K ghi mượn tiền của anh T, nhưng anh cho rằng đây là tiền lãi còn thiếu của khoản tiền vay đã trả xong vốn, nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý và anh cũng không có chứng cứ chứng minh đây là tiền lãi như lời anh khai.

Theo nội dung biên nhận và lời khai của nguyên đơn khai là tiền mượn. Tuy nhiên, tại Điều 494 của Bộ luật dân sự quy định “*Hợp đồng mượn tài sản..., bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn...*”. Như vậy, theo quy định tại

Điều 494 của Bộ luật dân sự hợp đồng mượn tài sản bên mượn tài sản phải trả lại đúng tài sản đã mượn.

Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản...; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận...*”.

Tài sản các bên giao dịch trong vụ án này là tiền và theo lời khai các bên khi giao trả thì trả tài sản cùng loại là tiền theo giá trị tương đương và không có lãi. Do vậy, có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Vào ngày 16/01/2019, anh K có vay của anh T số tiền 380.000.000 đồng, không thỏa thuận trả tiền lãi suất, thời hạn trả tiền là ngày 15/02/2020. Đồng thời, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là biên nhận mượn tiền đề ngày 16/01/2019. Anh K thừa nhận còn nợ lại anh T số tiền 380.000.000 đồng, nhưng cho rằng đây là tiền lãi còn nợ của khoản vay mà anh đã trả vốn xong, đồng thời thừa nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là biên nhận mượn tiền đề ngày 16/01/2019 đúng là do anh viết và ký ghi họ tên.

Xét thấy, căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là “Biên nhận mượn tiền” đề ngày 16/01/2019 và anh K cũng thừa nhận đúng là do anh viết và ký tên. Theo nội dung biên nhận ghi “*Hôm nay ngày... có mượn số tiền anh Nguyễn Tấn T 380.000.000...*”. Như vậy, theo nội dung biên nhận anh K ghi mượn tiền của anh T, nhưng anh cho rằng đây là tiền lãi còn thiếu của khoản tiền vay đã trả xong vốn, nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý và anh cũng không có chứng cứ chứng minh đây là tiền lãi như lời anh khai, nên không chấp nhận lời khai này của anh K và xác định đây là số tiền anh đã vay không lãi của anh T.

Xét thấy, thời hạn vay tiền giữa hai bên thỏa thuận là ngày 15/02/2020, nhưng đến nay đã quá hạn anh K chưa trả tiền là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc anh K trả cho anh T số tiền vốn 380.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 0,83%/tháng. Xét thấy, số tiền theo thỏa thuận vay ban đầu không có thỏa thuận trả lãi, nhưng do đã hết thời hạn trả tiền ngày 15/02/2020 mà kéo dài đến nay và nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 0,83%/tháng của nguyên đơn. Thời gian tính lãi từ ngày 16/02/2020 đến nay tính tròn là 07 tháng và tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền vốn 380.000.000 đồng x mức lãi suất 0,83%/tháng x thời gian tính tiền lãi 07 tháng, thành tiền lãi là 22.078.000 đồng.

Vậy buộc anh K trả cho anh T số tiền vốn 380.000.000 đồng và tiền lãi là 22.078.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi suất là 402.078.000 đồng.

Đối với yêu cầu xin trả dần: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K có yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng. Xét yêu cầu xin trả dần của anh K là

nhằm kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi đến quyền lợi anh T và không được phía nguyên đơn đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của anh K.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, nên anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T.

- Buộc anh Trần Văn K trả cho anh Nguyễn Tấn T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 402.078.000 đồng.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh K chịu 20.083.120 đồng.

- Hoàn lại anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.815.400 đồng theo biên lai thu số 0003694 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN

